

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS-THPT BẮC SƠN

ĐỀ CƯƠNG TOÁN HỌC 7
NĂM HỌC 2025 – 2026

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

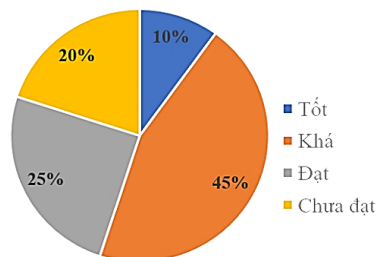
Câu 1: [NB_TN1] Số đối của số của số $\frac{-5}{7}$ là:

- A. $\frac{7}{5}$ B. $\frac{-7}{5}$ C. $\frac{5}{7}$ D. -5,7

Câu 2: [NB_TN5] Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a song song với đường thẳng a (Chọn cụm từ để điền vào dấu)

- A. chỉ có một đường thẳng. B. có 2 đường thẳng.
C. có 3 đường thẳng. D. có vô số đường thẳng.

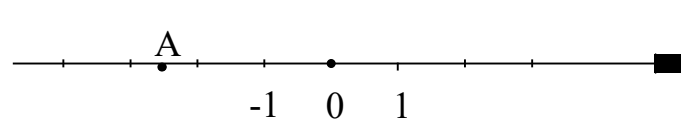
Câu 3: [NB_TN6] Dưới đây là biểu đồ thể hiện tỉ lệ phần trăm học lực của học sinh khối 7. Hãy cho biết, đây là dạng biểu



diễn nào?

- A. Biểu đồ tranh. C. Biểu đồ đoạn thẳng.
B. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ hình quạt tròn

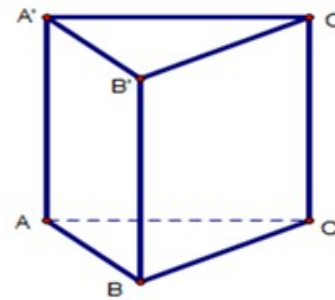
Câu 4: [TH_TN8] Điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào ?



- A. $\frac{5}{2}$ B. $\frac{2}{5}$ C. -3 D. $-\frac{5}{2}$

Câu 5: [NB_TN4] Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác

- A. Tam giác. B. Hình vuông.
C. Hình chữ nhật D. Hình bình hành.



ABC.A'B'C' là hình gì?

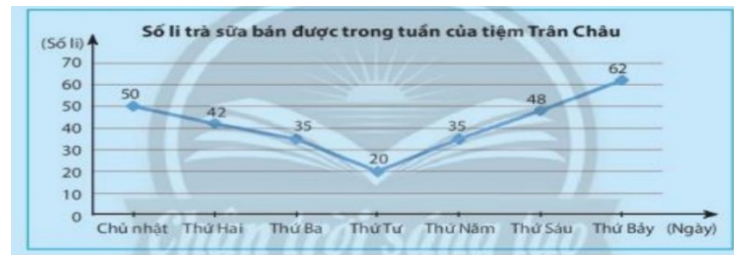
Câu 6: [NB_TN2] Căn bậc hai số học của 36 là :

- A. 6 B. 36 C. -6 D. -36

Câu 7: [TH_TN10] Thể tích hình hộp chữ nhật có chiều dài 6cm, 4cm là?

- A. 120cm^2 . B. 120cm^3 . C. 20cm^2 . D. 20cm^3 .

Câu 8: [NB_TN7] Quan sát hình vẽ. Cho biết số ly trà sữa bán ngày thứ 5



- A. 35 B. 20. C. 48. D. 42

Câu 9: [NB_TN3] Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\sqrt{3}$ C. 3,5 D. 0

Câu 10: [TH_TN9] Cho biết $a = \sqrt{5} = 2,23606\dots$ Hãy làm tròn a đến hàng phần trăm :

- A. 2,24 B. 2,2 C. 2,23 D. 2,236

Câu 11. [TH_TN11] Cho $\widehat{xOy}$ và $\widehat{yOz}$ là 2 góc kề bù. Biết $\widehat{xOy} = 35^\circ$, số đo $\widehat{yOz}$ bằng ?

- A. 115° . B. 35° . C. 75° D. 145° .

Câu 12. [TH_TN12] Cho $\widehat{xOy} = 110^\circ$, Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Số đo $\widehat{xOt}$ bằng ?

- A. 55° . B. 50° . C. 60° D. 100° .

Phần 2. Tự luận. (7,0 điểm)

Câu 13: (1,0 điểm) Tính:

- a) [TH_TL3] $\frac{1}{4} + \left| \frac{-3}{5} \right|$
 b) [VD_TL6] $\frac{3}{7} \cdot \left(\frac{-1}{9} \right) + \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{-2}{3} \right)$

Câu 14: (2,0 điểm)

- a) [NB_TL1] Tìm số đối của các số thực sau : 15 ; $-\sqrt{13}$
 b) [VD_TL7] Tìm x, biết: $\frac{-3}{7}x + \frac{1}{3} = \frac{1}{2}$
 c) [VD_TL8] Cho biết 1 inch $\approx$ 2,54 cm. Tìm độ dài đường chéo màn hình tivi 52 inch đơn vị cm và làm tròn đến hàng phần mười.

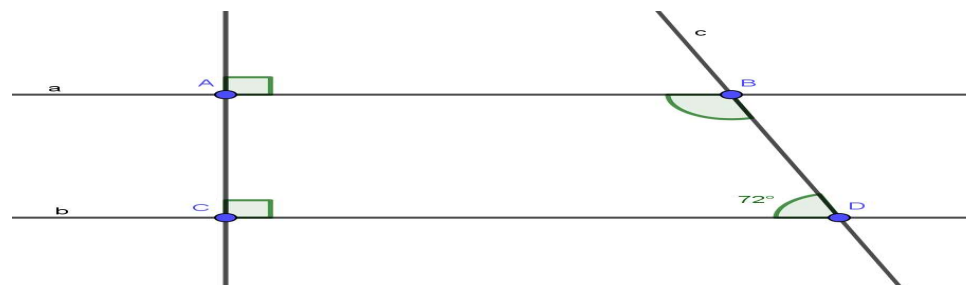
Câu 15: [VDC_TL11] (1,0 điểm) Một cửa hàng thời trang nhập về 100 cái áo với giá vốn mỗi cái là 200 000 đồng. Cửa hàng đã bán 60 cái áo, mỗi cái lời 25% so với giá mua, 40 cái áo còn lại cửa hàng bán lỗ 5% mỗi cái so với giá mua. Hỏi sau khi bán hết 100 cái áo thì cửa hàng lời hay lỗ bao nhiêu tiền ?

Câu 16. (1,0 điểm) Cho bảng thông kê các loại trái cây có trong cửa hàng A

Loại trái cây	Cam	Xoài	Bưởi	Mít
Số lượng	120	60	48	12

- a) [TH_TL5] Tính tổng số trái cây có trong cửa hàng.
b) [VD_TL10] Tính tỉ lệ % của Xoài so với tổng số trái cây.

Câu 17. (2,0 điểm) Cho hình vẽ



- a) [NB_TL2] Chứng minh $AB \parallel CD$
b) [TH_TL4] Tính $\widehat{ABD}$
c) [VD_TL9] Vẽ tia BE là tia phân giác của $\widehat{ABD}$ ($E \in CD$). Tính $\widehat{ABE}$?
..... Hết

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. [NB_TN1] Số đối của số $1\frac{2}{5}$ là:

- A. $1\frac{5}{2}$. B. $-1\frac{5}{2}$. C. $-1\frac{2}{5}$. D. $\frac{7}{5}$.

Câu 2. [NB_TN2] Căn bậc hai số học của 49 là:

- A. - 7. B. 7. C. 49. D. $-\sqrt{25}$.

Câu 3. [NB_TN3] Trong các số sau, số nào biểu diễn số thập phân hữu hạn ?

- A. $\sqrt{8}$. B. $\frac{13}{7}$. C. π . D. $\frac{13}{5}$.

Câu 4. [NB_TN4] Chọn khẳng định đúng, trong các khẳng định sau:

A. $\frac{1}{2} \notin \mathbb{Q}$.

B. $\sqrt{7} \in \mathbb{I}$.

C. $-15 \notin \mathbb{R}$.

D. $\frac{2}{7} \in \mathbb{Z}$.

Câu 5. [TH_TN9] Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 4cm, chiều rộng 3cm và chiều cao 6cm. Vậy thể tích của hình hộp là:

A. 72 cm^3 .

B. 42 cm^3 .

C. 72 cm^2 .

D. 72 cm .

Câu 6. [VD_TN11] Khi làm tròn số 9 214 235 với độ chính xác $d = 500$, ta được kết quả sau:

A. 9 215 000 .

B. 9 214 000.

C. 9 214 200.

D. 9 215 200.

Câu 7. [NB_TN5] Chọn phát biểu **đúng**:

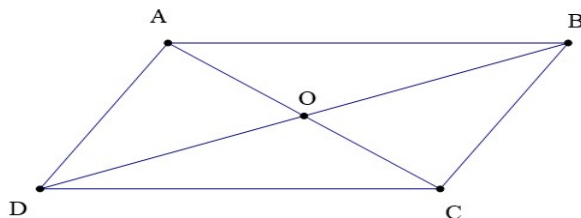
A. Hai góc kề nhau là hai góc kề bù.

B. Hai góc phụ nhau là hai góc có tổng số đo bằng 180° .

C. Hai góc kề nhau là hai góc có một cạnh chung và có điểm trong chung.

D. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

Câu 8. [NB_TN6] Quan sát hình vẽ. Hãy cho biết góc đối đỉnh với góc AOB là:



A. góc BOD.

B. góc AOB.

C. góc AOD.

D. góc DOC.

Câu 9. [NB_TN7] Qua điểm B nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a. (Chọn cụm từ để điền vào dấu)

A. Chỉ có một .

B. Có 2 đường thẳng.

C. Có 3 đường thẳng.

D. Có vô số đường thẳng.

Câu 10. [NB_TN8] Tia Oz là tia phân giác góc xOy khi :

A. $\widehat{xOy} = \widehat{yOz}$.

B. $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOy}$.

C. $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = \widehat{xOy} : 2$.

D. $\widehat{xOy} = \widehat{yOz} = \widehat{xOz} : 2$.

Câu 11. [TH_TN10] Tìm điểm chưa hợp lí trong bảng thống kê sau ?

Lớp	Sĩ số	Số học sinh tham gia BHYT
-----	-------	---------------------------

7A	35	34
7B	42	43
Tổng	77	77

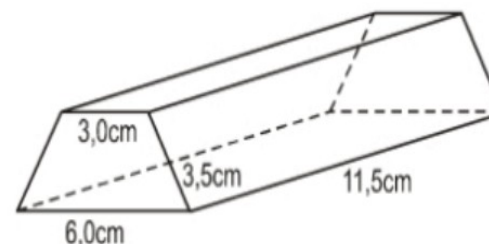
A. Sĩ số lớp 7A.

B. Số học sinh tham gia BHYT lớp 7A.

C. Sĩ số lớp 7B.

D. Số học sinh tham gia BHYT lớp 7B.

Câu 12. [VD_TN12] Một khối gỗ hình lăng trụ đứng tứ giác có kích thước như hình vẽ (biết độ dài hai cạnh bên của đáy bằng nhau và bằng 3,5 cm). Diện tích xung quanh khối gỗ là:



A. 143,75 cm².

B. 143,75 cm².

C. 104 cm².

D. 104 cm².

PHẦN 2: TƯ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13. [NB_TL1] (1,0 điểm). Tìm giá trị tuyệt đối của mỗi số sau: 4 ; $\frac{-7}{13}$; - 20% ; $\sqrt{11}$.

Câu 14. (1,0 điểm).

a) Thực hiện phép tính [VD_TL7] $\frac{2}{9} : \frac{4}{3} + \frac{1}{6}$

b) Tìm x, biết [VD_TL8] $\frac{3}{10}x + \frac{2}{5} = \frac{1}{2}$

Câu 15. (1,0 điểm) Cho bảng thống kê số lượng con vật nuôi tại một nông trường:

Loại con vật nuôi	Bò	Lợn	Gà	Thỏ
Số lượng	25	500	175	100

a) [NB_TL2] Tính tổng số lượng vật nuôi tại nông trường.

b) [VD_TL9] Tính tỉ lệ % của Lợn so với tổng số lượng vật nuôi tại nông trường.

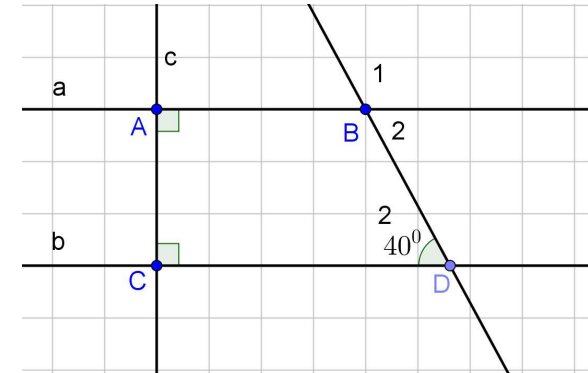
Câu 16. [VD_TL10] (1,0 điểm) Tính chu vi và diện tích của một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15,28 m và chiều rộng 9,4 m và làm tròn kết quả đến hàng đơn vị.

Câu 17. (1,0 điểm) Ta gọi hai góc có tổng bằng 180° là hai góc bù nhau. Cho định lí: Hai góc cùng bù với một góc thứ ba thì bằng nhau”.

a) [NB_TL3] Viết giả thiết, kết luận của định lí trên bằng kí hiệu.

b) [VD_TL11] Hãy chứng minh định lí đó.

Câu 18. (1,0 điểm) Cho hình vẽ, biết $\widehat{D_2} = 40^\circ$



a) [TH_TL4] Chứng minh rằng $a \parallel b$.

b) [TH_TL5] Tính số đo của góc $\widehat{B_2}$ và $\widehat{B_1}$.

Câu 19. [TH_TL6] (0,5 điểm) Bạn Nam dự định dùng thanh sắt cắt ra để làm một cái khung hình lập phương có cạnh 35 cm. Hỏi thanh sắt dài 4,15 m có đủ để làm cái khung không ?

Câu 19. [VDC_TL12] (0,5 điểm) Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 10% tất cả các mặt hàng. Bác Nam mua một chiếc tivi với giá niêm yết là 12 000 000 đồng và một chiếc máy lạnh. Khi đó, cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 16 200 000 đồng. Tính giá niêm yết của máy lạnh?